TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HS-PT
Ngày: 01/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy, ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Phan Tâm A, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo*: Phan Tâm A, sinh năm 1987 tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Số D B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Huy T và bà Bùi Thị T1; có chồng và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

Vụ án còn có 02 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, ngày 02/4/2019, xảy ra dịch tả lợn Châu Phi, UBND xã T ban hành Quyết định số 09^{a}/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo tiêu hủy động vật khi xuất hiện dịch tả lợn Châu Phi, gồm: Ngô Xuân K - Chủ tịch UBND xã là Trưởng ban, có trách nhiệm phụ trách chung, Nguyễn Đức T2 - Cán bộ địa chính, nông nghiệp và môi trường xã là Ủy viên có trách nhiệm tìm nhân lực và phương tiện vận chuyển, tiêu hủy, chị Quách Thị Hà M là Kế toán ngân sách xã là Ủy viên sau đó chị M nghỉ việc tại UBND xã T. Từ ngày 01/6/2019, Phan Tâm A ký hợp đồng làm Kế toán ngân sách xã T và thay nhiệm vụ của chị M trong Ban chỉ đạo. Để có kinh phí phục vụ công tác phòng

chống dịch, Ngô Xuân K đã huy động cán bộ UBND xã T cho vay tiền, tổng số tiền UBND xã huy động được là 156.000.000 đồng (trong đó: tạm ứng quỹ tiền mặt UBND xã 6.000.000 đồng, cán bộ xã cho vay 150.000.000 đồng). Ngô Xuân K phân công Nguyễn Đức T2 chuẩn bị vật tư, mặt bằng, thuê nhân công, phương tiện để vận chuyển, đào hố, khiêng vác lợn và thực hiện một số khoản chi khác, đã tạm ứng hết khoản tiền trên. Thực hiện nhiệm vụ do Ngô Xuân K giao, từ ngày 02/4/2019 đến ngày 22/7/2019, T2 chi mua sắm vật tư, chi trả công với tổng số tiền là 219.370.000 đồng nhưng đều không có hóa đơn, chứng từ, hợp đồng theo quy định.

Trong năm 2019, U được cấp và chuyển nguồn kinh phí với tổng số tiền là 279.800.000 đồng. Khi có nguồn kinh phí trên, Ngô Xuân K chỉ đạo Nguyễn Đức T2 chuyển Sổ nhật ký theo dõi việc mua sắm vật tư, thuê nhân công, phương tiện để K kiểm tra. Trường báo cáo các khoản đã thực tế chi với K và đề nghị làm thủ tục giải ngân. Do các khoản Trường chi không có hóa đơn, chứng từ, hợp đồng theo quy định nên Tâm A không thể làm thủ tục giải ngân. Vì vậy, K chỉ đạo T2 và Tâm A căn cứ vào các khoản tiền đã chi theo quy định được thanh toán và các khoản không được chi để làm thủ tục hợp lý hoá chứng từ nhằm rút hết số tiền ngân sách Nhà nước được cấp và chuyển nguồn cho công tác phòng chống dịch tả lợn Châu Phi số tiền 279.800.000 đồng nêu trên để chi trả các khoản chi thực tế đã chi cho công tác phòng chống dịch và một số khoản chi khác của UBND xã T. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của K, trên cơ sở số liệu do T2 cung cấp tại Sổ nhật ký ghi chép của T2 và 209 Biên bản xử lý tiêu hủy lợn, Tâm A và T2 đã trao đổi, thống nhất về nội dung, mức tiền, giá cả, nâng khống các khoản chi phí được chi theo quy định của Nhà nước để bù vào các khoản không được chi theo quy định. Sau đó, T2 và Tâm A đã liên hệ với một số hộ kinh doanh và cá nhân trên địa bàn huyện T để mua hóa đơn, lập 11 bộ chứng từ khống nhằm làm thủ tục giải ngân với tổng số tiền 279.600.000 đồng, cụ thể như sau:

1- Đối với khoản tiền chi mua vôi: UBND xã T (không xác định được ai) đã liên hệ mua hóa đơn của Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D), địa chỉ tại thôn N, xã Đ (nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Hải Dương để mua hóa đơn số 0000360, ngày 08/5/2019 của Công ty D với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 19.800.000 đồng. Ngày 28/6/2019, Tâm A đã lập giấy rút dự toán, chuyển số tiền 19.800.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của Công ty D. Sau khi nhận được tiền, Công ty D giữ lại 4.560.000 đồng tiền bán hoá đơn và đại diện Công ty (không quen biết) đưa số tiền mặt 15.240.000 đồng cho Anh tại UBND xã T. K chỉ đạo Tâm A quản lý số tiền trên để tổng hợp thanh toán lại cho T2.

2- Đối với khoản tiền chi mua biển báo: Tâm A giới thiệu cho T2 đến Hộ kinh doanh của bà Lê Thị T3, sinh năm 1952, địa chỉ tại thị trấn T, huyện T để mua hoá đơn bán hàng là biển báo với số tiền là 6.000.000 đồng và được H kinh doanh bà Lê Thị T3 bán hóa đơn số 0054973, ngày 04/7/2019 với số tiền ghi trên hóa đơn là 6.000.000 đồng. Sau đó, T2 mang hóa đơn về cho K ký duyệt rồi đưa cho Tâm A để làm giấy rút dự toán, chuyển số tiền 6.000.000 đồng đến tài khoản

của bà Lê Thị T3. Sau khi nhận được tiền, bà T3 giữ lại 842.000 đồng tiền bán hoá đơn và đưa cho Tâm A số tiền mặt còn lại là 5.158.000 đồng. K chỉ đạo Tâm A quản lý số tiền trên để tổng hợp thanh toán lại cho T2.

3- Khoản chi mua đồ bảo hộ: Tâm A biết Hộ kinh doanh của chị Nguyễn Thị A1, sinh năm 1976, địa chỉ tại thị trấn T, huyện T có tư cách pháp nhân và xuất được hoá đơn nên giới thiệu cho T2 đến Hộ kinh doanh Nguyễn Thị A1 mua hóa đơn bán hàng. T2 mua hóa đơn số 0022641 ngày 05/7/2019 của chị Nguyễn Thị A1, nội dung ghi trên hóa đơn: bán đồ bảo hộ với tổng số tiền là 19.975.000 đồng. Sau khi nhận được hoá đơn, T2 mang về trình K ký duyệt chi rồi đưa cho Tâm A làm giấy rút dự toán, chuyển khoản đến tài khoản của chị Nguyễn Thị A1 số tiền 19.975.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, chị A1 giữ lại 4.795.000 đồng tiền bán hoá đơn và đưa trực tiếp cho Tâm A số tiền mặt còn lại là 15.180.000 đồng. K chỉ đạo Tâm A quản lý số tiền trên để tổng hợp thanh toán lại cho T2.

4- Khoản chi mua bạt phủ, nylon cuộn, ống nhựa: Nguyễn Đức T2 tiếp tục mua hóa đơn số 0022642, ngày 05/7/2019 của chị Nguyễn Thị A1, nội dung trên hóa đơn ghi hàng hóa: bạt phủ, nylon cuộn, ống nhựa với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 17.465.000 đồng. T2 mang hóa đơn về trình K ký duyệt chi rồi đưa cho Tâm A làm giấy rút dự toán, chuyển khoản đến tài khoản của chị Nguyễn Thị A1 số tiền 17.465.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, chị A1 giữ lại 4.093.000 đồng tiền bán hoá đơn và đưa cho Tâm A số tiền mặt còn lại là 13.372.000 đồng. K chỉ đạo Tâm A quản lý số tiền trên để tổng hợp thanh toán lại cho T2.

5- Khoản tiền chi thuê máy xúc đợt 1: Tâm A quen biết anh Trần Đức K1, sinh năm 1972 trú tại thôn T, xã T, huyện T (là hộ kinh doanh cá thể, có mã số thuế và tư cách pháp nhân) nên nhờ anh K1 xuất bán hóa đơn để hoàn thiện chứng từ tiền thuê máy xúc đợt 1. Sau khi hoàn thiện thủ tục, Tâm A nhờ anh K1 ký hợp đồng và xuất hóa đơn số 0086844 ngày 10/7/2019 với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 35.000.000 đồng. Tâm Anh hoàn thiện thủ tục, chứng từ trình K ký. Sau khi được Kho bạc Nhà nước huyện T chuyển số tiền 35.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của anh K1 thì anh K1 giữ lại 3.500.000 đồng tiền bán hoá đơn, số tiền còn lại 31.500.000 đồng anh K1 chuyển khoản trả lại Tâm A vào tài khoản cá nhân của Tâm A. K chỉ đạo Tâm A rút số tiền trên ra và quản lý, tổng hợp thanh toán lại cho T2.

6- Khoản chi thuê máy xúc đợt 2: Sau khi đã hoàn thành khoản chi thuê máy xúc đợt 1, Tâm A và T2 tiếp tục làm thủ tục thanh toán khoản chi thuê máy xúc đợt 2 trình Ngô Xuân K ký duyệt với số tiền là 35.450.000 đồng. Sau khi K ký duyệt, Tâm A mang hồ sơ đến nhà ông K1 nhờ ông K1 ký hoàn thiện thủ tục, chứng từ. K1 không xuất hoá đơn. Sau đó, Tâm A làm giấy rút dự toán, chuyển số tiền 35.450.000 đồng vào tài khoản của ông K1. Sau khi nhận được số tiền 35.450.000 đồng, ngày 21/01/2020, ông K1 đã chuyển lại toàn bộ số tiền 35.450.000 đồng vào tài khoản của cá nhân của Tâm A. K chỉ đạo Tâm A rút số tiền trên ra và quản lý, tổng hợp thanh toán lại cho T2.

7- Khoản chi công khiêng vác đợt 1: Ngày 24/7/2019, K chỉ đạo Tâm A

làm thủ tục thanh toán khoản chi công khiêng vác lợn, được K giới thiệu anh Đỗ Văn T4, sinh năm 1984, trú tại thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương là Đội phó xã T. Tâm A lấy số tài khoản của anh T4 để lập hợp đồng. Tâm A cùng T2 lập đơn giá và khối lượng lợn tiêu hủy tại bản dự thảo chi khoản thuê nhân công đợt 1 (từ ngày 31/3/2019-06/5/2019) với số tiền 29.500.000 đồng, trên cơ sở 209 Biên bản xử lý tiêu hủy lợn. Tâm A cùng T2 lập hợp đồng, chứng từ chuyển anh T4 ký, sau đó hoàn thiện thủ tục trình K ký giấy rút dự toán, chuyển khoản số tiền 29.500.000 đồng vào tài khoản anh T4. Ngày 31/7/2019, anh T4 rút toàn bộ số tiền này đưa lại cho Tâm A. Tâm A báo cáo với K, được K chỉ đạo chi cho anh T4 200.000 đồng tiền xăng xe đi lại. Anh T4 đưa lại cho Tâm A số tiền 29.300.000 đồng. Khải chỉ đạo Tâm A quản lý và tập hợp lại để thanh toán cho T2.

8- Khoản chi công khiêng vác đợt 2: Tương tự như khoản chi công khiêng vác lợn đợt 1, Tâm A và T2 tiếp tục nhờ anh Đỗ Văn T4 ký hoàn thiện hợp đồng, chứng từ để lập thủ tục thanh toán chi công khiêng vác lợn dịch tả Châu Phi đợt 2 (từ ngày 07/5/2019 đến 15/7/2019) với số tiền là 41.500.000 đồng. Sau khi Kho bạc Nhà nước huyện T chuyển 41.500.000 vào tài khoản của anh T4. Ngày 02/01/2020, anh T4 rút số tiền trên đưa lại cho Tâm A. K chỉ đạo Tâm A chi cho anh T4 300.000 đồng tiền xăng xe đi lại. Số tiền còn lại 41.200.000 đồng thì K chỉ đạo Tâm A quản lý và tập hợp lại để thanh toán cho T2.

9- Khoản chi công trực chốt đợt 1: trong thời gian xảy ra dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn xã T, UBND xã T có thành lập 05 chốt kiểm soát lợn ra vào địa bàn, thời gian khoảng một tuần nhưng không lập danh sách theo dõi trực và thực tế UBND xã T không chi khoản tiền nào cho những người trực chốt. Tuy nhiên, Tâm A và T2 đã thống nhất số liệu, lập danh sách công trực chốt với 131 ngày công (từ ngày 02/4/2019 đến ngày 12/4/2019). Tổng số tiền công trực chốt (đợt 1) là 16.700.000 đồng, Tâm A làm thủ tục rút dự toán ngân sách Nhà nước rồi chuyển cho ông Nguyễn Văn L - Thủ quỹ UBND xã, ông L đến Kho bạc Nhà nước huyện T rút khoản tiền 16.700.000 đồng để thanh toán cho Nguyễn Đức T2.

10- Khoản tiền chi công trực chốt đợt 2: tương tự như việc lập hồ sơ khoản chi công trực chốt đợt 1, Tâm A và T2 đã lập Bảng chấm công bồi dưỡng trực chốt tham gia phòng chống dịch tả lợn Châu Phi năm 2019 đợt 2 (từ ngày 13/4/2019 - 01/5/2019) với tổng số là 148,6 ngày công, số tiền là 19.660.000 đồng và được K đồng ý. Tâm A làm thủ tục rút dự toán ngân sách Nhà nước rồi chuyển cho ông Nguyễn Văn L – Thủ quỹ UBND xã, ông L đến Kho bạc Nhà nước rút khoản tiền 19.660.000 đồng để thanh toán cho Nguyễn Đức T2.

11- Khoản chi thuê xe lôi chở lợn đến hố chôn tập trung: Tâm A biết anh Lê Văn Q, sinh năm 1981, trú tại xã T, huyện T có xe lôi nên báo cáo và được K đồng ý thỏa thuận với anh Q để làm thủ tục rút dự toán đối với khoản tiền thuê xe chở lợn. Căn cứ biên bản xử lý tiêu hủy, Tâm A cùng T2 thống nhất mức giá là 150.000 đồng/1 chuyến đối với mỗi chuyến từ 300kg đến 500kg. Tổng số tiền thuê xe chở lợn đến hố chôn từ ngày 31/3/2019 đến ngày 15/7/2019 do Tâm A lập là 38.550.000 đồng. Khi hoàn thiện hồ sơ, Tâm A và T2 nhờ anh Q ký hoàn thiện

thủ tục chứng từ, sau đó chuyển cho K ký. Ngày 30/12/2019, Tâm A làm giấy rút dự toán ngân sách chuyển khoản số tiền là 38.550.000 đồng và Kho bạc Nhà nước huyện T đã chuyển số tiền 38.550.000 đồng vào tài khoản của anh Q. Sau khi nhận được tiền, anh Q đã chuyển lại toàn bộ số tiền trên cho Tâm A. Khải chỉ đạo Tâm A quản lý và tập hợp lại để thanh toán cho T2.

Tổng số tiền UBND xã T được Kho bạc Nhà nước huyện T giải ngân thông qua 11 bộ chứng từ khống nêu trên là 279.600.000 đồng, số tiền này được sử dụng như sau:

- Chi tiền mua hóa đơn của Công ty D, bà Lê Thị T3, chị Nguyễn Thị A1, anh Trần Đức K1 với tổng số tiền là 17.790.000 đồng; chi phong bì chúc tết 1.500.000 đồng; chi 500.000 đồng tiền xăng xe cho anh Đỗ Văn T4 đi lại rút tiền; chi thuê cây xanh 2.000.000 đồng.

- Chi trả cho Nguyễn Đức T2 số tiền là 226.910.000 đồng (trong đó: các khoản chi T2 đã chi thực tế cho công tác tiêu hủy lợn nhiễm dịch tả lợn Châu Phi là 219.370.000 đồng; số tiền còn lại 7.540.000 đồng T2 tiếp tục quản lý để thanh toán sau).

- Đối với số tiền còn lại 30.900.000 đồng, Ngô Xuân K chỉ đạo Tâm A tiếp tục quản lý để xem xét sử dụng sau. Tâm A để ngoài sổ sách kế toán UBND xã. Đến tháng 8/2020, Tâm A nghỉ công tác tại UBND xã T, T không bàn giao cho ai số tiền này mà để tại hòm đựng hồ sơ phòng kế toán của UBND xã. Khoảng tháng 12/2021, Tâm A về UBND xã T làm việc cùng Đoàn thanh tra tỉnh Hải Dương thì nhớ còn để khoản tiền 30.900.000 đồng tại hòm đựng hồ sơ phòng kế toán và cùng với ông Nguyễn Văn L - Chủ tịch UBND xã T cùng một số công chức của UBND xã cùng kiểm tra và xác định còn số tiền 30.900.000 đồng nêu trên. Ngày 20/7/2022, Tâm A đã giao nộp số tiền 30.900.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H.

Tại Kết luận giám định số 17/GĐTP- STC ngày 12/8/2022, Sở Tài chính tỉnh H kết luận về việc UBND xã T, huyện T rút 279.600.000đ chi trả mua sắm vật tư, phương tiện, nhân công chi trả cho việc tiêu huỷ lợn bị nhiễm dịch tả lợn C và Tại Công văn số 4518/CV- STC ngày 09/11/2022 và công văn số 92/CV-STC ngày 11/1/2023, Sở Tài chính tỉnh H làm rõ một số nội dung trong Kết luận giám định nêu trên như sau:

- UBND xã T đã lập hồ sơ để thực hiện rút tiền từ ngân sách Nhà nước, số tiền 279.600.000đ tại Kho bạc Nhà nước huyện T, thực hiện mua sắm vật tư, thuê phương tiện, nhân công chi trả tiền hỗ trợ tiêu huỷ lợn bị nhiễm bệnh dịch tả lợn C và thực hiện một số khoản chi khác đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền: 56.230.000đ (gồm chi trả tiền mua hoá đơn tổng số tiền 17.790.000đ; số kinh phí ông T2 còn giữ 7.540.000đ; số kinh phí bà Phan Tâm A giữ, không nhập quỹ ngân sách xã 30.900.000đ).

- Đối với kinh phí 181.500.000đ được xác định là khoản chi phục vụ công tác tiêu huỷ lợn nhiễm dịch tả lợn C.

- Đối với khoản chi thanh toán tiền ăn tại quán nhà ông Dương Văn Đ, ông Nguyễn Đức T5, bà Nguyễn Thị H1 đều có địa chỉ tại xã T, tổng số tiền là 27.870.000đ là khoản chi chưa xác định được có đúng theo chế độ quy định. Không có tài liệu chứng minh về danh sách, mức chi, đối tượng chi. Việc xác định thiệt hại là chưa đủ căn cứ.

- Số kinh phí UBND xã T đã thực hiện nhiệm vụ chi khác không phục vụ công tác tiêu huỷ lợn nhiễm dịch tả lợn C: 14.000.000đ (gồm chi xét duyệt nông thôn mới: 10.000.000đ, chi chúc tết và bồi dưỡng ông Đỗ Văn T4 2.000.000đ, chi thuê cây xanh phục vụ đón nông thôn mới 2.000.000đ) chỉ xác định là chi sai mục đích, do chi không đúng tính chất nguồn kinh phí, chưa đủ căn cứ xác định thiệt hại cho ngân sách Nhà nước (không có tài liệu, cơ sở xác nhận cụ thể lý do chi, đối tượng chi…).

Tại Kết luận giám định số 156/GĐTP- STC ngày 16/1/2023, Sở Tài chính tỉnh H kết luận: Đối với số kinh phí thực hiện thanh quyết toán mua vật tư thuốc khử trùng, khử khuẩn, thuê nhân công phun, làm băng zôn, khẩu hiệu tuyên truyền phòng chống dịch bệnh Covid-19 của UBND xã T gồm 02 Hợp đồng mua thuốc khử trùng, khử khuẩn tổng số tiền 62.600.000đ ; tiền công phun thuốc khử trùng đợt 2 đợt là 6.900.000đ, chi làm băng zôn khẩu hiệu tuyên truyền phòng chống dịch bệnh Covid-19 là 4.000.000đ được xác định là các khoản chi đã phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, không gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 28/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm l khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Phan Tâm A phạm tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Xử phạt bị cáo 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Ngoài ra bản án còn áp dụng pháp luật, tuyên tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/5/2023, bị cáo Phan Tâm A kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, phù hợp lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, lời khai người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2019, Ngô Xuân K - Chủ tịch UBND xã T, huyện T đã chỉ đạo Phan Tâm A - Kế toán ngân sách xã và Nguyễn Đức T2 - Cán bộ địa chính, môi trường xã T lập 11 bộ chứng từ khống để giải ngân tổng số tiền 279.600.000 đồng từ ngân sách của xã T (bao gồm tiền ngân sách Nhà nước cấp và tiền chuyển nguồn) để phục vụ công tác tiêu huỷ lợn bị nhiễm dịch tả lợn C. Số tiền trên thực hiện mua sắm vật tư, thuê phương tiện, nhân công chi trả tiền hỗ trợ tiêu huỷ lợn bị nhiễm bệnh dịch tả lợn C và thực hiện một số khoản chi khác (chi trả tiền mua hoá đơn, tiền T2 và Tâm A đang quản lý không nhập quỹ ngân sách xã) đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 56.230.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, tài sản của Nhà nước. Với số tiền các bị cáo gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Tâm A và các đồng phạm về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về tội danh và điều khoản pháp luật áp dụng bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Phan Tâm A: Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm l khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo có bố đẻ được tặng Bằng khen, chồng được tặng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang, bản thân bị cáo được tặng Giấy khen quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Trong vụ đồng phạm này, bị cáo Tâm A cùng bị cáo T2 là người thực hành. Chức vụ, quyền hạn của bị cáo Tâm A là kế toán ngân sách, bị cáo có nhiệm vụ kiểm soát chi nhưng đã không thực hiện đúng nhiệm vụ công vụ được giao mà theo chỉ đạo của bị cáo Ngô Xuân K, bị cáo đã tham gia hợp lý hóa chứng từ chi tiền trái quy định. Hành vi của bị cáo và đồng phạm không những gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng đến uy tín, giảm sút lòng tin của nhân dân đối với chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội nhất là trong việc phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là phù hợp để đạt được mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo đang tại ngoại và bị xử phạt tù nhưng do bị cáo là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử không quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay sau khi tuyên án.

[3] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Tâm A. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2023/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương về hình phạt đối với bị cáo Phan Tâm A.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356, điểm l khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Tâm A 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

2. Về án phí: Buộc bị cáo Phan Tâm A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Vụ GĐKT I - TANDTC;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Hà;
- Cơ quan THAHS huyện Thanh Hà
- Phòng HSNVCS Công an tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Hiệu

- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, THS, VP.